

Số: 76 /2017/QĐ-UBND

Bình Định, ngày 18 tháng 12 năm 2017

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy định về quy trình, trách nhiệm xây dựng,
ban hành văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn tỉnh Bình Định**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH ĐỊNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tư pháp.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về quy trình, trách nhiệm xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn tỉnh Bình Định.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2018 và bãi bỏ Quyết định số 19/2012/QĐ-UBND ngày 22 tháng 6 năm 2012 của Ủy ban nhân dân tỉnh; Quyết định số 09/2014/QĐ-UBND ngày 30 tháng 4 năm 2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 19/2012/QĐ-UBND.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Tư pháp, Thủ trưởng các sở, ban, ngành tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Văn phòng Chính phủ;
- Cục Kiểm tra VBQPPL -BTP;
- TT.TU, TT. HĐND;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- CT, các PCT.UBND tỉnh;
- UBMTTQVN, các đoàn thể tỉnh;
- TTCB tỉnh, Công TTĐT tỉnh;
- LĐVP, CV;
- Lưu: VT, K2. *hm*

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHẠM CHỮ TỊCH**



Phan Cao Thắng
Phan Cao Thắng

QUY ĐỊNH

Về quy trình, trách nhiệm xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân các cấp trên địa bàn tỉnh Bình Định

(Ban hành kèm theo Quyết định số 76/2017/QĐ-UBND ngày 18 tháng 12 năm 2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định)

Chương I NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Quy định này quy định quy trình, trách nhiệm của các cơ quan nhà nước, tổ chức, cá nhân trong việc lập đề nghị xây dựng văn bản quy phạm pháp luật, soạn thảo, thẩm định, thông qua dự thảo văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân các cấp trên địa bàn tỉnh.

2. Trình tự, thủ tục ban hành văn bản quy phạm pháp luật tại Quy định này áp dụng đối với:

a) Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh do Ủy ban nhân dân tỉnh trình; quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh;

b) Nghị quyết của Hội đồng nhân dân, quyết định của Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố (gọi tắt là cấp huyện).

c) Nghị quyết của Hội đồng nhân dân, quyết định của Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn (gọi tắt là cấp xã).

3. Những vấn đề khác liên quan đến việc xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân không được quy định trong Quy định này thì thực hiện theo Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật (sau đây gọi là Nghị định số 34/2016/NĐ-CP).

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Quy định này áp dụng đối với các cơ quan, tổ chức và cá nhân có liên quan đến công tác xây dựng, soạn thảo, ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân các cấp trên địa bàn tỉnh Bình Định.

Điều 3. Về hiệu lực của văn bản quy phạm pháp luật

1. Ngày có hiệu lực của văn bản quy phạm pháp luật phải được quy định cụ thể ngay trong văn bản quy phạm pháp luật.

Thu

Thời điểm có hiệu lực của toàn bộ hoặc một phần văn bản quy phạm pháp luật được quy định tại văn bản đó nhưng không sớm hơn 10 ngày kể từ ngày ký ban hành đối với văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh; không sớm hơn 07 ngày kể từ ngày ký ban hành đối với văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp huyện và cấp xã; trừ trường hợp văn bản quy phạm pháp luật được ban hành theo trình tự, thủ tục rút gọn.

2. Cơ quan chủ trì soạn thảo có trách nhiệm dự kiến cụ thể ngày có hiệu lực trong dự thảo văn bản quy phạm pháp luật trên cơ sở bảo đảm đủ thời gian để các cơ quan, tổ chức, cá nhân có điều kiện tiếp cận văn bản, các đối tượng thi hành có điều kiện chuẩn bị thi hành văn bản.

3. Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân cấp huyện; Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã chịu trách nhiệm kiểm tra về việc ghi ngày có hiệu lực cụ thể trong văn bản quy phạm pháp luật của Ủy ban nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện và Ủy ban nhân dân cấp xã trước khi phát hành.

4. Văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân các cấp không được quy định hiệu lực trở về trước.

Điều 4. Đăng Công báo, niêm yết, đưa tin, cập nhật cơ sở dữ liệu văn bản quy phạm pháp luật

1. Văn bản quy phạm pháp luật phải được đăng Công báo, niêm yết, đưa tin theo quy định tại Điều 150 của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật và theo quy định của Chính phủ.

2. Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh có trách nhiệm tổ chức đăng tải kịp thời, đầy đủ nội dung các văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh trên Công báo in và Công báo điện tử của tỉnh theo quy định của pháp luật.

3. Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân cấp huyện trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cùng cấp; Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định thời gian và địa điểm niêm yết công khai, đưa tin trên các phương tiện thông tin đại chúng ở địa phương văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp mình ban hành.

4. Việc cập nhật Cơ sở dữ liệu văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện theo quy định của Nghị định số 52/2015/NĐ-CP ngày 28 tháng 5 năm 2015 của Chính phủ về Cơ sở dữ liệu quốc gia về pháp luật và Quyết định số 24/2017/QĐ-UBND ngày 06 tháng 7 năm 2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quy chế phối hợp trong việc cung cấp văn bản quy phạm pháp luật do Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành để cập nhật vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về pháp luật.

Điều 5. Thẩm quyền, trách nhiệm ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân các cấp

1. Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành nghị quyết để quy định những nội dung, trường hợp được phân cấp theo quy định tại Điều 27 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

2. Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành quyết định để quy định những nội dung, trường hợp được phân cấp theo quy định tại Điều 28 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

3. Hội đồng nhân dân cấp huyện, cấp xã ban hành nghị quyết, Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã ban hành quyết định để quy định những vấn đề được luật giao.

Điều 6. Tiếp nhận hồ sơ đề nghị xây dựng văn bản quy phạm pháp luật, dự thảo văn bản quy phạm pháp luật

1. Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân cấp huyện là cơ quan tiếp nhận hồ sơ đề nghị xây dựng văn bản quy phạm pháp luật, dự thảo văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cùng cấp; trừ việc lập, xây dựng danh mục văn bản quy định chi tiết quy định tại Mục 4, Chương II của Quy định này.

2. Cơ quan nêu tại Khoản 1 Điều này có trách nhiệm kiểm tra hồ sơ gửi đến trước khi báo cáo hoặc trình Ủy ban nhân dân cùng cấp xem xét, thông qua. Đối với hồ sơ chưa bảo đảm theo quy định của pháp luật thì có văn bản đề nghị cơ quan lập đề nghị, cơ quan chủ trì soạn thảo bổ sung, hoàn thiện hồ sơ, xử lý theo quy định.

Điều 7. Phiên họp thông qua dự thảo văn bản quy phạm pháp luật

1. Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh trình Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định việc thông qua dự thảo văn bản quy phạm pháp luật vào phiên họp thường kỳ hàng tháng. Ngày tổ chức phiên họp thực hiện theo quy định tại Quy chế tổ chức và hoạt động của Ủy ban nhân dân tỉnh.

2. Phiên họp thông qua dự thảo văn bản quy phạm pháp luật của Ủy ban nhân dân cấp huyện do Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân cấp huyện trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cùng cấp xem xét, quyết định.

Điều 8. Phương thức, trình tự thông qua dự thảo văn bản quy phạm pháp luật

1. Thông qua tại phiên họp Ủy ban nhân dân.

Áp dụng đối với thông qua đề nghị xây dựng nghị quyết do Ủy ban nhân dân tỉnh trình; dự thảo nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh, dự thảo nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp huyện; dự thảo quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh có nội dung phức tạp, liên quan đến nhiều ngành, lĩnh vực.

2. Lấy ý kiến thành viên Ủy ban nhân dân bằng văn bản.

Áp dụng đối với thông qua các dự thảo quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh không thuộc trường hợp nêu tại Khoản 1 Điều này.

3. Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân cấp huyện có trách nhiệm xem xét, báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân cùng cấp về phương thức thông qua dự thảo văn bản quy phạm pháp luật theo quy định tại Khoản 1, Khoản 2 Điều này khi nhận được đề nghị xây dựng văn bản quy phạm pháp luật, dự thảo văn bản quy phạm pháp luật.

4. Phương thức thông qua dự thảo quyết định của Ủy ban nhân dân cấp huyện do Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân cấp huyện trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định.

Chương II

XÂY DỰNG, BAN HÀNH NGHỊ QUYẾT CỦA HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH DO ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TRÌNH, QUYẾT ĐỊNH CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Mục 1

XÂY DỰNG, BAN HÀNH NGHỊ QUYẾT QUY ĐỊNH CHI TIẾT CỦA HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH DO ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TRÌNH

Điều 9. Đề nghị xây dựng nghị quyết quy định chi tiết

1. Đề nghị xây dựng nghị quyết quy định chi tiết áp dụng trong trường hợp ban hành nghị quyết để quy định chi tiết điều, khoản, điểm được giao trong văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan nhà nước cấp trên quy định tại Khoản 1, Điều 27 của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, trừ nghị quyết đã có trong Danh mục văn bản quy định chi tiết của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh.

2. Cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh hoặc cơ quan không phải là cơ quan chuyên môn nhưng có chức năng giúp Ủy ban nhân dân tỉnh quản lý nhà nước căn cứ vào văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan nhà nước cấp trên đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh trình Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh đề nghị xây dựng nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh để quy định chi tiết vấn đề được giao trong văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan nhà nước cấp trên.

3. Hồ sơ đề nghị xây dựng nghị quyết gồm:

a) Tờ trình về đề nghị xây dựng nghị quyết theo mẫu số 02 Phụ lục V ban hành kèm theo Nghị định số 34/2016/NĐ-CP;

b) Bản thuyết minh về căn cứ ban hành nghị quyết; đối tượng, phạm vi điều chỉnh của nghị quyết; nội dung chính của nghị quyết; thời gian dự kiến đề nghị Hội đồng nhân dân xem xét, thông qua; dự kiến nguồn lực, điều kiện bảo đảm cho việc thi hành nghị quyết. Khi gửi hồ sơ, cơ quan đề xuất đồng thời gửi dự trù kinh phí bảo đảm cho việc soạn thảo nghị quyết.

4. Cơ quan nêu tại Khoản 2 Điều này gửi hồ sơ đề nghị đến Sở Tư pháp, Sở Tài chính (bao gồm cả dự trù kinh phí bảo đảm cho việc soạn thảo nghị quyết), Sở Nội vụ để cho ý kiến về đề nghị. Trong thời hạn 05 ngày làm việc, Sở Tư pháp, Sở Tài chính, Sở Nội vụ phải có văn bản trả lời về các vấn đề được lấy ý kiến. Cơ

Um

quan đề xuất có trách nhiệm tiếp thu, hoàn thiện hồ sơ và gửi đến Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh.

5. Trường hợp cần thiết, Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh chủ trì, phối hợp với cơ quan lập đề nghị và các cơ quan khác có liên quan họp thống nhất trước khi đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh trình Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, chấp thuận.

Điều 10. Phân công soạn thảo dự thảo nghị quyết

1. Trường hợp Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh chấp thuận đề nghị xây dựng nghị quyết, trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản chấp thuận của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh thông báo về việc phân công việc soạn thảo nghị quyết.

2. Nội dung phân công soạn thảo nghị quyết bao gồm: Cơ quan chủ trì soạn thảo, cơ quan phối hợp soạn thảo, thời gian trình; chỉ đạo Sở Tài chính bố trí kinh phí bảo đảm cho việc soạn thảo nghị quyết trong trường hợp chưa bố trí được kinh phí xây dựng và ban hành văn bản quy phạm pháp luật theo kế hoạch dự trù từ đầu năm ngân sách.

Điều 11. Soạn thảo, lấy ý kiến vào dự thảo nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh

1. Cơ quan được phân công chủ trì soạn thảo có trách nhiệm soạn thảo, lấy ý kiến vào dự thảo nghị quyết theo quy định tại Điều 119, Điều 120 của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật; Khoản 3, Điều 25 của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP.

2. Cơ quan chủ trì soạn thảo có thể huy động và tạo điều kiện cho các viện nghiên cứu, trường đại học, hội, hiệp hội, tổ chức khác có liên quan, các chuyên gia, nhà khoa học tham gia vào các hoạt động trong quá trình soạn thảo nghị quyết theo quy định tại Điều 32 của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP.

3. Tổ chức lấy ý kiến của cơ quan, tổ chức hữu quan

a) Trường hợp tổ chức họp, hội nghị, hội thảo, tọa đàm thì dự thảo nghị quyết phải được gửi đến cơ quan, tổ chức được mời tham dự trước 03 ngày làm việc. Cơ quan, tổ chức, cá nhân được mời có trách nhiệm cử đúng thành phần tham dự và có ý kiến đối với dự thảo nghị quyết;

b) Trường hợp lấy ý kiến bằng văn bản thì trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được dự thảo, cơ quan, tổ chức được lấy ý kiến phải có văn bản góp ý gửi cho cơ quan chủ trì soạn thảo;

c) Cơ quan, tổ chức được lấy ý kiến chịu trách nhiệm trước Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh về ý kiến góp ý của mình.

4. Trường hợp sau khi tiếp thu, chỉnh lý, dự thảo văn bản phát sinh nội dung mới liên quan đến quyền, lợi ích hợp pháp của đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của văn bản; cơ quan, tổ chức hữu quan thì cơ quan chủ trì soạn thảo có trách nhiệm tổ chức lấy ý kiến đối với những vấn đề mới phát sinh.

Điều 12. Thẩm định dự thảo nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh

1. Sở Tư pháp có trách nhiệm thẩm định dự thảo nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh theo quy định tại Điều 121 của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật; Điều 49, Điều 52 của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP.

2. Hồ sơ gửi thẩm định bao gồm:

a) Các tài liệu theo quy định tại Khoản 2, Điều 121 của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

b) Đối với các dự thảo nghị quyết sửa đổi, bổ sung thì ngoài tài liệu quy định tại Điểm a, Khoản 2 Điều này, hồ sơ còn bao gồm báo cáo tổng kết, đánh giá việc thực hiện đối với văn bản được sửa đổi, bổ sung, trong đó xác định vấn đề nào chưa được văn bản quy định hay quy định chưa phù hợp, cần được sửa đổi.

3. Trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ gửi thẩm định, Sở Tư pháp có trách nhiệm gửi hồ sơ đến đại diện cơ quan, tổ chức có liên quan, các chuyên gia, nhà khoa học trong trường hợp thành lập hội đồng tư vấn thẩm định quy định tại Khoản 1, Điều 121 của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

4. Cơ quan chủ trì soạn thảo nghị quyết có trách nhiệm giải trình, tiếp thu ý kiến thẩm định để chỉnh lý, hoàn thiện dự thảo nghị quyết và đồng thời gửi báo cáo giải trình, tiếp thu kèm theo dự thảo văn bản đã được chỉnh lý đến Sở Tư pháp khi trình Ủy ban nhân dân tỉnh dự thảo nghị quyết.

Điều 13. Hội đồng tư vấn thẩm định

1. Việc thành lập và hoạt động của Hội đồng tư vấn thẩm định thực hiện theo Điều 50, Điều 51 của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP.

2. Chủ tịch Hội đồng là lãnh đạo Sở Tư pháp, Thư ký là đại diện Sở Tư pháp; các thành viên Hội đồng tư vấn thẩm định là lãnh đạo các cơ quan: Sở Tài chính, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Sở Nội vụ, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh. Trong trường hợp cần thiết có thể mời các cơ quan thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh và đại diện cơ quan, tổ chức khác có liên quan, các chuyên gia, nhà khoa học tham gia Hội đồng tư vấn thẩm định.

Thành viên Hội đồng tư vấn thẩm định là lãnh đạo các cơ quan thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh có thể ủy quyền cho trưởng phòng hoặc tương đương phụ trách ngành, lĩnh vực liên quan tham gia họp tư vấn thẩm định.

3. Giám đốc Sở Tư pháp ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Hội đồng tư vấn thẩm định.

Điều 14. Thông qua dự thảo nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh

1. Cơ quan chủ trì soạn thảo chuẩn bị hồ sơ theo quy định tại Khoản 1, Điều 122 của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

2. Thông qua dự thảo nghị quyết thực hiện vào phiên họp thường kỳ của Ủy ban nhân dân tỉnh.

3. Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh có trách nhiệm gửi hồ sơ dự thảo nghị quyết đến các thành viên Ủy ban nhân dân tỉnh chậm nhất là 03 ngày làm việc trước ngày tổ chức họp để cho ý kiến vào dự thảo.

4. Trình tự thông qua dự thảo nghị quyết thực hiện như sau:

- a) Đại diện cơ quan chủ trì soạn thảo thuyết trình dự thảo nghị quyết;
- b) Đại diện Sở Tư pháp phát biểu về việc giải trình, tiếp thu ý kiến thẩm định;
- c) Đại diện Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh trình bày ý kiến;
- d) Ủy ban nhân dân tỉnh thảo luận và biểu quyết thông qua dự thảo nghị quyết.

5. Cơ quan chủ trì soạn thảo có trách nhiệm tiếp thu các ý kiến thành viên Ủy ban nhân dân tỉnh, hoàn thiện dự thảo trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày tổ chức phiên họp.

Điều 15. Gửi hồ sơ dự thảo văn bản để thẩm tra, ủy quyền làm việc trong quá trình thẩm tra dự thảo nghị quyết

1. Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh có trách nhiệm phối hợp với cơ quan chủ trì soạn thảo hoàn thiện hồ sơ dự thảo văn bản theo quy định tại Khoản 2, Điều 124 của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật và gửi đến Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh được phân công thẩm tra trong thời hạn chậm nhất là 15 ngày, trước ngày khai mạc kỳ họp Hội đồng nhân dân tỉnh.

2. Ủy quyền cho thủ trưởng cơ quan chủ trì soạn thảo làm việc với các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh trong quá trình thẩm tra dự thảo nghị quyết, hoàn thiện dự thảo nghị quyết và báo cáo kết quả với Ủy ban nhân dân tỉnh trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc việc thẩm tra.

Điều 16. Xử lý đối với trường hợp dự thảo phát sinh nội dung mới hoặc khác so với dự thảo được Ủy ban nhân dân tỉnh thông qua

Trường hợp sau khi làm việc với Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh mà phát sinh nội dung mới hoặc khác so với dự thảo Ủy ban nhân dân tỉnh thông qua thì cơ quan soạn thảo phải báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh để xem xét, quyết định đối với nội dung đó.

Mục 2

XÂY DỰNG, BAN HÀNH NGHỊ QUYẾT THUỘC CHỨC NĂNG, NHIỆM VỤ CỦA HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH

Điều 17. Lập đề nghị xây dựng nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh

1. Đề nghị xây dựng nghị quyết thuộc chức năng, nhiệm vụ của Hội đồng nhân dân tỉnh áp dụng đối với các trường hợp ban hành nghị quyết nêu tại Khoản 2, Khoản 3 và Khoản 4, Điều 27 của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

2. Cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh hoặc cơ quan không phải là cơ quan chuyên môn nhưng có chức năng giúp Ủy ban nhân dân tỉnh quản lý nhà nước lập đề nghị xây dựng nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh gửi Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét thông qua.

3. Trước khi gửi hồ sơ đề nghị xây dựng nghị quyết theo quy định tại Khoản 1, Điều 17 của Quy định này đến Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, cơ quan lập đề nghị phải thực hiện các nhiệm vụ quy định tại Khoản 1, Khoản 2, Điều 112 của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật; Điều 13, Điều 14, Điều 15, Điều 16 của Quy định này.

4. Khi gửi hồ sơ, cơ quan lập đề nghị đồng thời gửi dự trù kinh phí bảo đảm cho việc soạn thảo nghị quyết.

Điều 18. Xây dựng nội dung chính sách, đánh giá tác động của chính sách

Việc xây dựng nội dung chính sách, đánh giá tác động của chính sách trong đề nghị xây dựng nghị quyết thực hiện theo quy định tại Điều 5, Điều 6, Điều 7, Điều 8, Điều 9 của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP (trừ việc lấy ý kiến góp ý, phản biện dự thảo báo cáo đánh giá tác động của chính sách quy định tại Điểm b, Khoản 1, Điều 8 của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP).

Điều 19. Tư vấn, phản biện và giám định xã hội

Khuyến khích các cơ quan chủ trì soạn thảo thực hiện việc tư vấn, phản biện và giám định xã hội đối với những dự thảo nghị quyết thuộc phạm vi tư vấn, phản biện và giám định xã hội của các cơ quan, tổ chức thành viên thuộc Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, Liên hiệp các hội Khoa học và Kỹ thuật tỉnh và các cơ quan, đơn vị có liên quan.

Điều 20. Lấy ý kiến về đề nghị ban hành nghị quyết

1. Cơ quan đề xuất ban hành nghị quyết lấy ý kiến về đề nghị xây dựng nghị quyết của cơ quan, tổ chức, cá nhân phù hợp với nội dung chính sách và đối tượng được lấy ý kiến theo quy định tại Điều 113 của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, Điều 10 của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP.

2. Cơ quan đề xuất ban hành nghị quyết có thể huy động và tạo điều kiện cho các viện nghiên cứu, trường đại học, hội, hiệp hội, tổ chức khác có liên quan, các chuyên gia, nhà khoa học tham gia vào các hoạt động trong quá trình lập đề nghị xây dựng nghị quyết theo quy định tại Điều 11 của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP.

3. Các vấn đề khác về lấy ý kiến thực hiện theo quy định tại Khoản 3, Khoản 4, Điều 11 của Quy định này.

Điều 21. Thẩm định đề nghị xây dựng nghị quyết

1. Hồ sơ đề nghị xây dựng nghị quyết gửi thẩm định gồm:

a) Các tài liệu theo quy định tại Điều 114 của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

b) Đối với các dự thảo sửa đổi, bổ sung ngoài tài liệu quy định tại Điểm a, Khoản 1 Điều này, hồ sơ còn bao gồm báo cáo tổng kết, đánh giá việc thực hiện đối với văn bản được sửa đổi, bổ sung, trong đó xác định vấn đề nào chưa được văn bản quy định hay quy định chưa phù hợp, cần được sửa đổi;

c) Đối với dự thảo thực hiện tư vấn, phản biện và giám định xã hội theo quy định tại Điều 17 của Quy định này, hồ sơ còn bao gồm văn bản tư vấn, phản biện và giám định xã hội của Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật tỉnh.

2. Sở Tư pháp có trách nhiệm thẩm định đề nghị xây dựng nghị quyết theo quy định tại Điều 115 của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật; Khoản 2 Điều 13, Điều 16 của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP.

3. Tùy từng trường hợp, Sở Tư pháp thẩm định đề nghị xây dựng nghị quyết hoặc thành lập Hội đồng tư vấn thẩm định có sự tham gia của Lãnh đạo Sở Tài chính, Sở Nội vụ, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và cơ quan, tổ chức có liên quan, các chuyên gia, nhà khoa học.

4. Trường hợp thành lập Hội đồng tư vấn thẩm định thì trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ đề nghị xây dựng nghị quyết, Sở Tư pháp có trách nhiệm gửi hồ sơ đến đại diện cơ quan, tổ chức có liên quan, các chuyên gia, nhà khoa học.

5. Việc thành lập và hoạt động của Hội đồng tư vấn thẩm định thực hiện theo quy định tại Điều 13 của Quy định này.

Điều 22. Gửi và tiếp nhận hồ sơ đề nghị xây dựng nghị quyết

1. Cơ quan đề xuất ban hành nghị quyết chuẩn bị hồ sơ gồm: Tài liệu quy định tại Khoản 1, Điều 14 của Quy định này; dự thảo quyết định thông qua chính sách trong đề nghị xây dựng nghị quyết; báo cáo thẩm định đề nghị xây dựng nghị quyết của Sở Tư pháp và gửi đến Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh.

2. Trường hợp cần thiết Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh chủ trì, phối hợp với cơ quan đề nghị xây dựng nghị quyết, Sở Tư pháp, Sở Tài chính, Sở Nội vụ và các cơ quan, đơn vị khác có liên quan họp thống nhất về đề nghị xây dựng nghị quyết trước khi trình Ủy ban nhân dân tỉnh trình Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, chấp thuận.

Điều 23. Thông qua đề nghị xây dựng nghị quyết, quyết định thông qua chính sách trong đề nghị xây dựng nghị quyết

1. Phương thức, trình tự thông qua đề nghị xây dựng nghị quyết được thực hiện theo quy định tại Điều 8 của Quy định này.

2. Kết quả thông qua chính sách trong đề nghị xây dựng nghị quyết tại phiên họp thường kỳ của Ủy ban nhân dân tỉnh phải được thể hiện bằng quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh. Quyết định phải được đưa vào hồ sơ khi trình Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, chấp thuận đề nghị xây dựng nghị quyết.

3. Cơ quan đề xuất ban hành nghị quyết chủ trì, phối hợp với Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh trình Ủy ban nhân dân tỉnh ký quyết định sau khi hoàn thiện đề nghị xây dựng nghị quyết trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày tổ chức phiên họp.

Điều 24. Phân công soạn thảo, thẩm định, thông qua dự thảo nghị quyết

1. Trường hợp Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh chấp thuận đề nghị xây dựng nghị quyết, trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản chấp thuận của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh thông báo về việc phân công việc soạn thảo nghị quyết. Nội dung phân công soạn thảo nghị quyết thực hiện theo quy định tại Khoản 2, Điều 10 của Quy định này.

2. Cơ quan được phân công soạn thảo nghị quyết phải bảo đảm sự thống nhất với các chính sách đã được thông qua tại Điều 18 của Quy định này.

3. Việc soạn thảo, thẩm định, thông qua dự thảo nghị quyết và hoàn thiện dự thảo sau khi làm việc với Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh thực hiện theo quy định tại Điều 6, Điều 7, Điều 8, Điều 9, Điều 10 và Điều 11 của Quy định này.

Mục 3

XÂY DỰNG, BAN HÀNH QUYẾT ĐỊNH CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Điều 25. Đề nghị xây dựng quyết định

1. Cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện đề nghị xây dựng quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh theo quy định tại Khoản 2, Điều 127 của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, trừ quyết định đã có trong Danh mục văn bản quy định chi tiết của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

2. Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị, Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh chủ trì phối hợp với Sở Tư pháp xem xét kiểm tra đề nghị ban hành quyết định. Sở Tư pháp có trách nhiệm trả lời về đề nghị xây dựng quyết định trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được yêu cầu của Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh.

3. Trường hợp Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh chấp thuận đề nghị xây dựng quyết định thì ra thông báo về việc chấp thuận và phân công soạn thảo quyết định. Nội dung phân công thực hiện theo quy định tại Khoản 2, Điều 10 của Quy định này.

Điều 26. Soạn thảo, lấy ý kiến, thẩm định dự thảo quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh

1. Việc soạn thảo, thẩm định dự thảo quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện theo quy định tại Điều 128 của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật; Điều 13, Điều 14 và Điều 15 của Quy định này.

2. Trường hợp phát sinh chính sách mới trong quá trình soạn thảo quyết định quy định chi tiết văn bản của cơ quan nhà nước cấp trên quy định tại Điều c, Khoản 2, Điều 128 của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật thì cơ quan chủ trì soạn thảo có trách nhiệm đánh giá tác động của chính sách theo quy định tại Điều 18 Quy định này trước khi soạn thảo văn bản.

Điều 27. Thông qua dự thảo quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh

Th

1. Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh có trách nhiệm gửi hồ sơ dự thảo quyết định đến các thành viên Ủy ban nhân dân tỉnh chậm nhất là 03 ngày làm việc trước ngày tổ chức phiên họp thường kỳ để cho ý kiến vào dự thảo.

2. Trường hợp lấy ý kiến bằng văn bản thì thành viên Ủy ban nhân dân tỉnh có trách nhiệm gửi ý kiến đến Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh trong thời hạn 05 ngày làm việc để phối hợp với cơ quan chủ trì soạn thảo tổng hợp.

3. Trường hợp thông qua dự thảo quyết định tại phiên họp thường kỳ thì trình tự tiến hành như sau:

- a) Đại diện cơ quan chủ trì soạn thảo thuyết trình dự thảo quyết định;
- b) Đại diện Sở Tư pháp phát biểu về việc giải trình, tiếp thu ý kiến thẩm định;
- c) Đại diện Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh trình bày ý kiến;
- d) Ủy ban nhân dân tỉnh thảo luận và biểu quyết thông qua dự thảo quyết định.

4. Cơ quan chủ trì soạn thảo có trách nhiệm tiếp thu các ý kiến thành viên Ủy ban nhân dân tỉnh, hoàn thiện dự thảo trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày tổ chức phiên họp hoặc kể từ ngày nhận được văn bản có ý kiến của thành viên Ủy ban nhân dân tỉnh và trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh ký quyết định.

5. Trường hợp dự thảo quyết định chưa được thông qua thì Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo cơ quan chủ trì soạn thảo chỉnh lý và thời gian trình lại dự thảo văn bản.

Mục 4

LẬP, XÂY DỰNG, THEO DÕI XÂY DỰNG DANH MỤC VĂN BẢN QUY ĐỊNH CHI TIẾT

Điều 28. Danh mục văn bản quy định chi tiết

Danh mục văn bản quy định chi tiết là danh mục văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành để quy định chi tiết luật, nghị quyết của Quốc hội, pháp lệnh, nghị quyết của Ủy ban thường vụ Quốc hội, lệnh, quyết định của Chủ tịch nước.

Điều 29. Trách nhiệm đề xuất và lập danh mục văn bản quy định chi tiết

1. Cơ quan chuyên môn của Ủy ban nhân dân tỉnh, cơ quan không phải là cơ quan chuyên môn nhưng có chức năng quản lý nhà nước về ngành, lĩnh vực có nội dung được giao quy định chi tiết có trách nhiệm:

a) Đề xuất văn bản quy định chi tiết luật, nghị quyết của Quốc hội, pháp lệnh, nghị quyết của Ủy ban thường vụ Quốc hội, lệnh, quyết định của Chủ tịch nước, trong đó nêu các nội dung chính như: tên văn bản được quy định chi tiết, điều, khoản, điểm được giao quy định chi tiết; dự kiến tên văn bản quy định chi tiết, cơ quan chủ trì soạn thảo, cơ quan phối hợp, thời hạn trình ban hành.

Đối với đề xuất xây dựng nghị quyết bổ sung nội dung về đối tượng, phạm vi điều chỉnh của nghị quyết, nội dung chính của nghị quyết và dự kiến nguồn lực, điều kiện bảo đảm cho việc thi hành nghị quyết.

Thu

Đối với đề xuất xây dựng quyết định bổ sung nội dung về sự cần thiết ban hành, đối tượng, phạm vi điều chỉnh và nội dung chính của quyết định.

b) Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày luật, nghị quyết của Quốc hội, pháp lệnh, nghị quyết của Ủy ban thường vụ Quốc hội được thông qua; trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày lệnh, quyết định của Chủ tịch nước được ký ban hành, cơ quan nêu tại Khoản 1 Điều này gửi danh mục văn bản quy định chi tiết quy định tại Điểm a, Khoản 1 Điều này đến Sở Tư pháp.

2. Sở Tư pháp có trách nhiệm:

a) Tiếp nhận, tổng hợp các đề xuất để lập danh mục văn bản quy định chi tiết quy định tại Điểm a, Khoản 1 Điều này; gửi lấy ý kiến các cơ quan được dự kiến phân công soạn thảo;

b) Chủ trì, phối hợp với Văn phòng Hội đồng nhân dân tỉnh và các cơ quan, tổ chức có liên quan lập và trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định trình Thường trực Hội đồng nhân dân quyết định danh mục nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định chi tiết luật, nghị quyết của Quốc hội, pháp lệnh, nghị quyết của Ủy ban thường vụ Quốc hội, lệnh, quyết định của Chủ tịch nước;

c) Chủ trì, phối hợp với Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh và các cơ quan, tổ chức có liên quan lập và trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh danh mục quyết định của Ủy ban nhân dân quy định chi tiết luật, nghị quyết của Quốc hội, pháp lệnh, nghị quyết của Ủy ban thường vụ Quốc hội, lệnh, quyết định của Chủ tịch nước.

Điều 30. Trách nhiệm xây dựng, theo dõi, đôn đốc việc xây dựng văn bản quy định chi tiết

1. Trách nhiệm của cơ quan chủ trì soạn thảo văn bản quy định chi tiết:

a) Bảo đảm chất lượng, tiến độ soạn thảo, thời hạn trình văn bản quy định chi tiết theo quyết định ban hành danh mục văn bản quy định chi tiết của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh và Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành;

b) Chậm nhất là ngày 23 hàng tháng, cập nhật thông tin điện tử hoặc gửi thông tin về tình hình xây dựng, ban hành văn bản quy định chi tiết thi hành luật, nghị quyết của Quốc hội, pháp lệnh, nghị quyết của Ủy ban thường vụ Quốc hội, lệnh, quyết định của Chủ tịch nước về Sở Tư pháp để theo dõi và tổng hợp. Chậm nhất là ngày 25 hàng tháng, Sở Tư pháp cập nhật thông tin điện tử hoặc gửi thông tin về Bộ Tư pháp;

c) Trường hợp đề nghị điều chỉnh thời điểm trình ban hành văn bản quy định chi tiết thi hành luật, nghị quyết của Quốc hội, pháp lệnh, nghị quyết của Ủy ban thường vụ Quốc hội, lệnh, quyết định của Chủ tịch nước, cơ quan chủ trì soạn thảo phải có văn bản đề nghị nêu rõ lý do, giải pháp, thời hạn thực hiện và gửi về Sở Tư pháp để tổng hợp, báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định.

2. Trách nhiệm của Sở Tư pháp:

a) Theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc soạn thảo văn bản quy định chi tiết thi hành luật, nghị quyết của Quốc hội, pháp lệnh, nghị quyết của Ủy ban thường vụ

Quốc hội, lệnh, quyết định của Chủ tịch nước ở địa phương để bảo đảm tiến độ soạn thảo và chất lượng dự thảo văn bản quy định chi tiết;

b) Hàng quý, báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh và Bộ Tư pháp về tình hình, tiến độ và những vấn đề phát sinh trong quá trình soạn thảo văn bản quy định chi tiết.

Chương III

XÂY DỰNG, BAN HÀNH NGHỊ QUYẾT CỦA HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN, QUYẾT ĐỊNH CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN CẤP HUYỆN

Mục 1.

XÂY DỰNG, BAN HÀNH NGHỊ QUYẾT CỦA HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN CẤP HUYỆN

Điều 31. Đề nghị xây dựng nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp huyện

1. Cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện căn cứ vào nội dung được luật giao lập đề nghị xây dựng nghị quyết của Hội đồng nhân dân và gửi Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân cùng cấp.

2. Đề nghị xây dựng nghị quyết phải nêu rõ tên gọi, nội dung, phạm vi giao quy định cụ thể, dự kiến thời gian ban hành, cơ quan chủ trì soạn thảo.

Điều 32. Phân công soạn thảo nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp huyện

1. Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân cấp huyện trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân thông báo phân công cơ quan thuộc Ủy ban nhân dân soạn thảo dự thảo nghị quyết của Hội đồng nhân dân cùng cấp. Nội dung phân công thực hiện theo quy định tại Khoản 2, Điều 10 của Quy định này.

2. Cơ quan chủ trì soạn thảo có trách nhiệm tổ chức xây dựng nghị quyết, bảo đảm sự phù hợp của nội dung dự thảo nghị quyết với các quy định của luật đã giao quy định chi tiết.

Điều 33. Lấy ý kiến vào dự thảo nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp huyện

1. Cơ quan được phân công chủ trì soạn thảo có trách nhiệm soạn thảo, lấy ý kiến vào dự thảo nghị quyết theo quy định tại Điều 133 của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật; Khoản 2, Khoản 4, Điều 11 của Quy định này và tiếp thu, chỉnh lý dự thảo.

2. Chậm nhất là 10 ngày trước ngày Ủy ban nhân dân họp, cơ quan chủ trì soạn thảo phải gửi hồ sơ dự thảo nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp huyện đến Phòng Tư pháp để thẩm định. Hồ sơ gửi thẩm định thực hiện theo quy định tại Khoản 2, Điều 121 của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

Điều 34. Thẩm định dự thảo nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp huyện

1. Phòng Tư pháp có trách nhiệm tổ chức thẩm định dự thảo nghị quyết theo quy định tại Điều 134 của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật; Điều 53 và Điều 54 của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP.

2. Trường hợp hồ sơ gửi thẩm định chưa bảo đảm theo quy định, thì trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ yêu cầu thẩm định, Phòng Tư pháp có văn bản đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo hoàn thiện hồ sơ. Cơ quan chủ trì soạn thảo văn bản có trách nhiệm bổ sung hồ sơ thẩm định theo yêu cầu của Phòng Tư pháp. Thời hạn thẩm định được tính từ ngày Phòng Tư pháp nhận được đầy đủ hồ sơ.

3. Cơ quan chủ trì soạn thảo có trách nhiệm giải trình, tiếp thu ý kiến thẩm định để chỉnh lý dự thảo nghị quyết và đồng thời gửi báo cáo giải trình, tiếp thu kèm theo dự thảo nghị quyết đã được chỉnh lý đến Phòng Tư pháp khi trình Ủy ban nhân dân cấp huyện dự thảo nghị quyết.

Điều 35. Thông qua dự thảo nghị quyết, gửi hồ sơ dự thảo văn bản để thẩm tra, ủy quyền làm việc trong quá trình thẩm tra dự thảo nghị quyết

1. Việc thông qua dự thảo nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp huyện thực hiện theo quy định tại Điều 8 Quy định này.

2. Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân cấp huyện có trách nhiệm phối hợp với cơ quan chủ trì soạn thảo hoàn thiện hồ sơ dự thảo văn bản theo quy định tại Điều 136 của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật và gửi đến Ban của Hội đồng nhân dân cấp huyện được phân công thẩm tra theo quy định.

3. Trong trường hợp cần thiết, Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định ủy quyền cho thủ trưởng cơ quan chủ trì soạn thảo làm việc với các Ban của Hội đồng nhân dân cùng cấp trong quá trình thẩm tra dự thảo nghị quyết, hoàn thiện dự thảo nghị quyết và báo cáo kết quả với Ủy ban nhân dân cấp huyện trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc việc thẩm tra.

Điều 36. Xử lý đối với trường hợp dự thảo phát sinh nội dung mới hoặc khác so với dự thảo được Ủy ban nhân dân cấp huyện thông qua

Trường hợp sau khi làm việc với các Ban của Hội đồng nhân dân mà phát sinh nội dung mới hoặc khác so với dự thảo Ủy ban nhân dân thông qua thì cơ quan soạn thảo phải báo cáo Ủy ban nhân dân cấp huyện để xem xét, quyết định đối với nội dung đó.

Mục 2 **XÂY DỰNG, BAN HÀNH QUYẾT ĐỊNH** **CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN CẤP HUYỆN**

Điều 37. Đề nghị xây dựng quyết định của Ủy ban nhân dân cấp huyện

1. Cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện căn cứ vào nội dung được luật giao lập đề nghị xây dựng quyết định của Ủy ban nhân dân cấp huyện và gửi Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân cùng cấp.

2. Đề nghị xây dựng quyết định phải nêu rõ tên gọi, nội dung, phạm vi giao quy định cụ thể, dự kiến thời gian ban hành, cơ quan chủ trì soạn thảo.

Điều 38. Soạn thảo, thẩm định dự thảo quyết định của Ủy ban nhân dân cấp huyện

1. Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân cấp huyện trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân thông báo phân công cho cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cùng cấp soạn thảo dự thảo quyết định. Nội dung phân công thực hiện theo quy định tại Khoản 2, Điều 10 của Quy định này.

2. Cơ quan chủ trì soạn thảo có trách nhiệm tổ chức xây dựng quyết định, bảo đảm sự phù hợp của nội dung dự thảo quyết định với các quy định của luật đã giao quy định chi tiết, gửi Phòng Tư pháp thẩm định theo quy định tại Điều 138, Điều 139 và Điều 140 của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật và Khoản 2, Khoản 4, Điều 12; Khoản 2, Khoản 3, Điều 34 của Quy định này.

3. Căn cứ vào tính chất và nội dung của dự thảo quyết định, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện tổ chức việc lấy ý kiến và tiếp thu ý kiến của cơ quan, tổ chức có liên quan, của Nhân dân trên địa bàn huyện về dự thảo quyết định bằng các hình thức thích hợp. Gửi hồ sơ dự thảo quyết định đến Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cùng cấp để lấy ý kiến.

Điều 39. Thông qua dự thảo quyết định của Ủy ban nhân dân cấp huyện

1. Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân cấp huyện có trách nhiệm gửi hồ sơ dự thảo quyết định đến các thành viên Ủy ban nhân dân cùng cấp chậm nhất là 03 ngày làm việc trước ngày Ủy ban nhân dân họp để cho ý kiến vào dự thảo.

2. Trường hợp lấy ý kiến bằng văn bản thì thành viên Ủy ban nhân dân cấp huyện có trách nhiệm gửi ý kiến đến Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân cùng cấp trong thời hạn 03 ngày làm việc để phối hợp với cơ quan chủ trì soạn thảo tổng hợp.

3. Cơ quan chủ trì soạn thảo có trách nhiệm tiếp thu các ý kiến thành viên Ủy ban nhân dân, hoàn thiện dự thảo trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày tổ chức phiên họp hoặc kể từ ngày nhận được văn bản có ý kiến của thành viên Ủy ban nhân dân và trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện ký quyết định.

Chương IV

XÂY DỰNG, BAN HÀNH NGHỊ QUYẾT CỦA HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN, QUYẾT ĐỊNH CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN CẤP XÃ

Mục 1

XÂY DỰNG, BAN HÀNH NGHỊ QUYẾT CỦA HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN CẤP XÃ

Điều 40. Soạn thảo nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp xã

1. Dự thảo nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp xã do Ủy ban nhân dân cùng cấp tổ chức soạn thảo và trình Hội đồng nhân dân.

2. Căn cứ vào tính chất và nội dung của dự thảo nghị quyết, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã tổ chức việc lấy ý kiến và tiếp thu ý kiến của cơ quan, tổ chức có liên quan, của Nhân dân tại thôn, tổ dân phố, khu phố về dự thảo nghị quyết bằng các hình thức thích hợp. Gửi hồ sơ dự thảo nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp xã đến Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cùng cấp để lấy ý kiến.

Điều 41. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp xã đối với dự thảo nghị quyết của Hội đồng nhân dân cùng cấp

Chậm nhất là 03 ngày trước ngày khai mạc kỳ họp Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp xã gửi tờ trình, dự thảo nghị quyết và các tài liệu có liên quan đến các đại biểu hội đồng nhân dân.

Mục 2
XÂY DỰNG, BAN HÀNH QUYẾT ĐỊNH
CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN CẤP XÃ

Điều 42. Soạn thảo quyết định của Ủy ban nhân dân cấp xã

1. Dự thảo quyết định của Ủy ban nhân dân cấp xã do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã tổ chức, chỉ đạo việc soạn thảo.

2. Căn cứ vào tính chất và nội dung của dự thảo quyết định, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã tổ chức việc lấy ý kiến và tiếp thu ý kiến của cơ quan, tổ chức có liên quan, của Nhân dân tại thôn, tổ dân phố, khu phố và chính lý dự thảo quyết định. Gửi hồ sơ dự thảo quyết định đến Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cùng cấp để lấy ý kiến.

Điều 43. Trình tự xem xét, thông qua dự thảo quyết định của Ủy ban nhân dân cấp xã

1. Tổ chức, cá nhân được phân công soạn thảo gửi hồ sơ dự thảo quyết định đến các thành viên Ủy ban nhân dân cấp xã chậm nhất là 03 ngày làm việc trước ngày Ủy ban nhân dân họp.

2. Hồ sơ dự thảo quyết định của Ủy ban nhân dân cấp xã gồm: Tờ trình, dự thảo quyết định, bản tổng hợp ý kiến và các tài liệu có liên quan.

3. Việc xem xét, thông qua dự thảo quyết định tại phiên họp Ủy ban nhân dân cấp xã được tiến hành theo trình tự sau đây:

a) Đại diện tổ chức, cá nhân được phân công soạn thảo trình bày dự thảo quyết định;

b) Ủy ban nhân dân thảo luận và biểu quyết thông qua dự thảo quyết định.

4. Dự thảo quyết định được thông qua khi có quá nửa tổng số thành viên Ủy ban nhân dân cấp xã biểu quyết tán thành.

5. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã thay mặt Ủy ban nhân dân ký ban hành quyết định. Trong trường hợp Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã vắng mặt hoặc căn cứ vào các lĩnh vực được phân công, các Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã có thể ký thay Chủ tịch.

6. Văn bản quy phạm pháp luật của Ủy ban nhân dân cấp xã phải được niêm yết chậm nhất là 03 ngày làm việc, kể từ ngày Chủ tịch Ủy ban nhân dân ký ban hành, theo quy định tại Mục 2 Chương VI của Nghị định.

Chương V

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 44. Kinh phí xây dựng văn bản quy phạm pháp luật

1. Kinh phí bảo đảm cho công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân các cấp do ngân sách nhà nước cấp theo phân cấp hiện hành.

2. Ngân sách nhà nước cấp kinh phí cho các hoạt động xây dựng văn bản quy phạm pháp luật quy định tại các Khoản 1, Khoản 2 và Khoản 3, Điều 181 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP.

3. Nội dung và mức chi kinh phí xây dựng văn bản quy phạm pháp luật thực hiện theo quy định của Thông tư số 338/2017/TT-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính quy định lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước bảo đảm cho công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật và hoàn thiện hệ thống pháp luật và Quyết định số 39/2017/QĐ-UBND ngày 14 tháng 7 năm 2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quy định mức chi, định mức phân bổ kinh phí bảo đảm cho công tác xây dựng, hoàn thiện văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân các cấp và công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật trên địa bàn tỉnh Bình Định.

Điều 45. Trách nhiệm của Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh có trách nhiệm giúp Ủy ban nhân dân tỉnh kiểm tra về trình tự soạn thảo, ban hành văn bản quy phạm pháp luật đúng quy định; đảm bảo văn bản ban hành đúng hình thức và nội dung mà các thành viên Ủy ban nhân dân đã thông qua.

Điều 46. Trách nhiệm của các sở, ban, ngành

1. Thủ trưởng các Sở, ban, ngành tỉnh có trách nhiệm tham mưu việc xây dựng văn bản quy phạm pháp luật theo đúng quy định tại Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, Nghị định số 34/2016/NĐ-CP và quy trình tại Quy định này.

2. Thủ trưởng các sở, ban, ngành tỉnh có trách nhiệm xây dựng, bố trí cán bộ pháp chế theo quy định pháp luật; bồi dưỡng đội ngũ cán bộ, công chức thực hiện công tác xây dựng văn bản, xây dựng và bố trí kinh phí để đảm bảo chất lượng dự thảo văn bản khi được phân công soạn thảo.

3. Trách nhiệm lập danh mục văn bản quy định chi tiết:

a) Căn cứ văn bản thông báo của Bộ Tư pháp gửi Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân tỉnh về danh mục các nội dung giao cho địa phương quy định chi tiết thi hành luật, nghị quyết của Quốc hội, pháp lệnh, nghị quyết của Ủy ban thường vụ Quốc hội, lệnh, quyết định của Chủ tịch nước, các sở, ban, ngành tỉnh có trách nhiệm nghiên cứu, có văn bản gửi Sở Tư pháp đề đề xuất:

- Danh mục nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định chi tiết luật, nghị quyết của Quốc hội, pháp lệnh, nghị quyết của Ủy ban thường vụ Quốc hội, lệnh, quyết định của Chủ tịch nước

- Danh mục quyết định của Ủy ban nhân dân quy định chi tiết luật, nghị quyết của Quốc hội, pháp lệnh, nghị quyết của Ủy ban thường vụ Quốc hội, lệnh, quyết định của Chủ tịch nước.

b) Bảo đảm chất lượng, tiến độ soạn thảo, thời hạn trình văn bản quy định chi tiết theo quyết định ban hành danh mục văn bản quy định chi tiết của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh và Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành.

c) Chậm nhất là ngày 23 hàng tháng, cập nhật thông tin điện tử hoặc gửi thông tin về tình hình xây dựng, ban hành văn bản quy định chi tiết thi hành luật, nghị quyết của Quốc hội, pháp lệnh, nghị quyết của Ủy ban thường vụ Quốc hội, lệnh, quyết định của Chủ tịch nước về Sở Tư pháp để theo dõi và tổng hợp. Chậm nhất là ngày 25 hàng tháng, Sở Tư pháp cập nhật thông tin điện tử hoặc gửi thông tin về Bộ Tư pháp.

d) Trường hợp đề nghị điều chỉnh thời điểm trình ban hành văn bản quy định chi tiết thi hành luật, nghị quyết của Quốc hội, pháp lệnh, nghị quyết của Ủy ban thường vụ Quốc hội, lệnh, quyết định của Chủ tịch nước, cơ quan chủ trì soạn thảo phải có văn bản đề nghị nêu rõ lý do, giải pháp, thời hạn thực hiện và gửi về Sở Tư pháp để tổng hợp, báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định.

Điều 47. Trách nhiệm của Sở Tư pháp

1. Trách nhiệm tổng hợp đề xuất và lập danh mục văn bản quy định chi tiết:

a) Đối với danh mục nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định chi tiết luật, nghị quyết của Quốc hội, pháp lệnh, nghị quyết của Ủy ban thường vụ Quốc hội, lệnh, quyết định của Chủ tịch nước, Sở Tư pháp chủ trì, phối hợp với Văn phòng Hội đồng nhân dân tỉnh, Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh tổng hợp, trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định trình Thường trực Hội đồng nhân dân quyết định.

b) Đối với danh mục quyết định của Ủy ban nhân dân quy định chi tiết luật, nghị quyết của Quốc hội, pháp lệnh, nghị quyết của Ủy ban thường vụ Quốc hội, lệnh, quyết định của Chủ tịch nước, Sở Tư pháp chủ trì, phối hợp với Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh tổng hợp, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định.

2. Trách nhiệm theo dõi, đôn đốc việc xây dựng văn bản quy định chi tiết:

a) Theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc soạn thảo văn bản quy định chi tiết thi hành luật, nghị quyết của Quốc hội, pháp lệnh, nghị quyết của Ủy ban thường vụ

Quốc hội, lệnh, quyết định của Chủ tịch nước ở địa phương để bảo đảm tiến độ soạn thảo và chất lượng dự thảo văn bản quy định chi tiết;

b) Hàng quý, báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh và Bộ Tư pháp về tình hình, tiến độ và những vấn đề phát sinh trong quá trình soạn thảo văn bản quy định chi tiết.

3. Giám đốc Sở Tư pháp có trách nhiệm tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân tỉnh quản lý nhà nước về hoạt động ban hành văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn tỉnh; hướng dẫn về nghiệp vụ xây dựng văn bản quy phạm pháp luật. Hàng năm, rà soát, đánh giá tình hình ban hành văn bản quy phạm của Ủy ban nhân dân tỉnh.

Điều 48. Trách nhiệm của Sở Tài chính

1. Thẩm định dự toán kinh phí xây dựng văn bản quy phạm pháp luật do cơ quan chủ trì soạn thảo lập theo quy định tại Khoản 2, Khoản 3 Điều 44 của Quy định này.

2. Hướng dẫn các sở, ban, ngành tỉnh; Ủy ban nhân dân cấp huyện; Ủy ban nhân dân cấp xã dự toán và quyết toán kinh phí xây dựng văn bản quy phạm pháp luật.

3. Chủ trì phối hợp với Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Tư pháp tổ chức kiểm tra việc sử dụng kinh phí xây dựng văn bản quy phạm pháp luật của các ngành, các cấp.

Điều 49. Trách nhiệm của Sở Thông tin và Truyền thông

Chỉ đạo lập chuyên mục lấy ý kiến đối với đề nghị xây dựng nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh và các dự thảo văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh trên Cổng thông tin điện tử của tỉnh; đăng tải đầy đủ, kịp thời các đề nghị, dự thảo này theo quy định

Điều 50. Trách nhiệm của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện; Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã

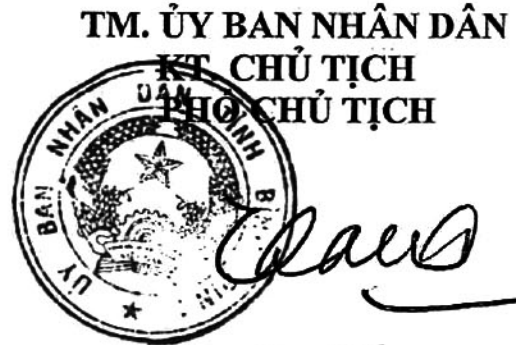
Căn cứ vào tình hình thực tế tại đơn vị, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện; Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã ban hành quy chế phối hợp của các phòng, ban chuyên môn trực thuộc; cán bộ, công chức có liên quan trong công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật để đảm bảo việc soạn thảo, ban hành văn bản quy phạm pháp luật phải tuân thủ chặt chẽ quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, Nghị định số 34/2016/NĐ-CP và Quy định này.

Điều 51. Điều khoản thi hành

1. Cơ quan, tổ chức, cá nhân có thành tích trong công tác xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật được khen thưởng theo quy định pháp luật.

2. Cơ quan, tổ chức, cá nhân được phân công soạn thảo, xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật không thực hiện đúng theo Quy định này và các quy định có liên quan tại Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, Nghị định số 34/2016/NĐ-CP thì tùy theo mức độ mà bị xử lý theo quy định pháp luật về cán bộ, công chức và quy định khác của pháp luật có liên quan.

3. Thủ trưởng sở, ban, ngành tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện; Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã tổ chức thực hiện nghiêm túc Quy định này. Trong quá trình thực hiện Quy định này nếu gặp khó khăn, vướng mắc báo cáo về Sở Tư pháp để tổng hợp và đề xuất biện pháp giải quyết trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định./.



Phan Cao Thắng